

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-ST

Ngày 28/9/2021

“V/v tr/c HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG
*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và ông Nguyễn Trọng Chuẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lý, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-DS ngày 20/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/QĐST-DS ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Đức A, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021): Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Đức A, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P; Địa chỉ: Thôn 10, xã Nam B, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:** Bà Mai Thị T; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Đức A, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 07/4/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 ông Nguyễn Văn C đã cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay số tiền là 1.200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/5/2019; thời hạn ông M và bà P phải trả cho ông C là ngày 30/5/2019. Theo giấy vay tiền thể hiện ông M và bà P vay tiền của ông C mục đích là đáo hạn Ngân hàng. Khi lập giấy vay tiền thì hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng. Khi đến hạn trả nợ thì ông Nguyễn

Văn C đã yêu cầu ông M và bà P phải trả toàn bộ số nợ gốc cho ông C nhưng bị đơn không chịu trả mà sau đó còn báo Công an về việc ông C lấy trộm tiền của bị đơn. Sau đó, sự việc đã được cơ quan Công an giải quyết thể hiện ông C không có hành vi như nội dung đơn tố cáo của bị đơn và không khởi tố vụ án hình sự. Sau đó, ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P trả số tiền trên nhưng bị đơn không chịu trả. Do đó, ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải trả cho ông Nguyễn Văn C nợ gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Theo nội dung đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn C cho rằng khi làm giấy vay hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về lãi suất, đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn phải trả lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng đối với khoản tiền bị đơn đã vay.

*** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Ngày 27/5/2019 ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P có vay tiền của ông Nguyễn Văn C với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng; mục đích mượn tiền để trả tiền Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB chi nhánh tại Đắk Lắk, do không đọc lại giấy vay tiền nên không nhớ lãi suất hai bên thỏa thuận là bao nhiêu. Thời hạn vợ chồng ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải trả cho ông C là ngày 30/5/2019 (Ngày lãnh tiền Ngân hàng).

Ngày 30/5/2019 vợ chồng ông M và bà P có nhờ ông Nguyễn Văn C chở lên Ngân hàng vay số tiền là 1.300.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng ông M và bà P đã nhận của Ngân hàng và cùng nhau lên xe của ông C để ông C chở về nhà. Bà P là người trực tiếp cầm tiền và đi lên xe, khi xe về đến trường Đại học Tây Nguyên (Đắk Lắk), bà P có kiểm đếm tiền và để trong giỏ xách. Đến địa phận Km 312 thuộc xã Đắk R'l, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông, ông M xuống mua xoài, bà P cũng xuống đi vệ sinh. Khi bà P xuống xe, ông C ngồi trên xe nên bảo bà P để tiền lại trên xe. Do tin tưởng ông C nên bà P đồng ý. Lúc này, trên xe chỉ còn một mình ông C. Sau đó, vợ chồng ông M và bà P được ông C chở về nhà. Khi về đến nhà ông M và bà P (thuộc thôn 10, xã Nam B, huyện Đắk S) thì bà P là người xách giỏ tiền vào nhà. Khi 03 người vào bàn uống nước thì bà P lấy tiền từ giỏ xách ra để trả cho ông C (ông M là người mở giỏ). Khi mở giỏ ra thì ông M có nói với bà P là tiền đâu, sau đó bà P nói lại ông M là tiền trong giỏ, ông M ném giỏ vào người bà P và bà P ngắt ngay lúc đó. Ông C nói với ông M là đi đi đi, sự việc sau đó như thế nào thì bà P không hề hay biết. Sau đó, ông C tố cáo bà P và ông M về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị đơn cũng tố cáo việc ông C lấy trộm tiền của bị đơn đến cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, sự việc không có dấu hiệu tội phạm nên cơ quan có thẩm quyền không khởi tố vụ án.

Việc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P cho rằng ông Nguyễn Văn C là người đã lấy số tiền trên tại thời điểm dừng chân nghỉ tại địa phận Km 312 thuộc xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên bị đơn không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của ông C.

*** Người làm chứng bà Mai Thị T trình bày:**

Bà T là vợ ông Nguyễn Văn C, còn ông bà Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P không có quan hệ họ hàng gì. Tháng 5 năm 2019 khi ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay tiền thì bà T có nghe ông C nói nội dung cho bị đơn vay số tiền là 1.200.000.000 đồng. Việc lãi suất bà T không biết thỏa thuận giữa hai bên là bao nhiêu. Thời hạn trả nợ trong vòng mấy ngày mục đích để bị đơn đáo hạn Ngân hàng, còn cụ thể là bao nhiêu ngày thì bà T không biết. Vì ông C là người làm kinh doanh nên số tiền ông C cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay là số tiền riêng của ông Nguyễn Văn C, không liên quan gì tới bà T. Bà T không có yêu cầu gì đối với bị đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Vì vậy, việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND huyện Đắk Song nhận định như sau: Theo giấy vay tiền ngày 27/5/2019, ông Nguyễn Văn C đã cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay số tiền là 1.200.000.000 đồng và thời hạn trả là ngày 30/5/2019. Do bị đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh việc ông M và bà P đã trả tiền cho ông C. Do đó, ông C yêu cầu ông M và bà P phải trả toàn bộ số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là hoàn toàn có căn cứ, cần chấp nhận. Do đó, Đại viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện buộc ông M và bà P phải trả số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất và án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P, có nơi cư trú: Thôn 10, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy,

tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P đã ký giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019 với số tiền là 1.200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C. Khi đến hạn thì ông M và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Văn C nên ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải trả lại số tiền là 1.200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Trong hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2019 các đương sự thỏa thuận thời hạn cuối cùng để thực hiện là 30/5/2019. Ngày 07/4/2021 ông Nguyễn Văn C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2]. Nhận định của hội đồng xét xử sơ thẩm về nội dung vụ án:

[2.1]. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ:

[2.1.1]. Đối với giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019:

Theo nội dung 02 giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019 nội dung: “Ngày 27/5/2019 ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay số tiền là 1.200.000.000 đồng với mục đích vay đáo hạn ngân hàng; thời gian trả nợ là ngày 30/5/2019”. “Tài sản thế chấp cho bên cho vay là quyền sử dụng đất số CD 319597 theo thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 55, diện tích là 9640 m² do UBND tỉnh Đắk Nông cấp ngày 03/8/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 230735 theo thửa đất số 42 tờ bản đồ số 31, diện tích là 24.777 m² do UBND huyện cấp ngày 17/8/2016”. Các đương sự đều thừa nhận việc giao nhận tiền 1.200.000.000 đồng tại nhà ông Nguyễn Văn C, tại tổ 02, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày khi thực hiện hợp đồng vay tiền này đều đều từ nguyện, không bị ai ép buộc.

Tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận...”. Xét giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019, có xác nhận của các đương sự, không trái đạo đức, không trái quy định của pháp luật và các đương sự đều thừa nhận giấy tờ này là có thực nên tình tiết này không phải chứng minh.

[2.1.2]. Đối với số tiền 1.200.000.000 đồng ông Nguyễn Văn C cho bị đơn vay, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả số tiền này cho nguyên đơn. Đồng thời nguyên đơn tố cáo bị đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị đơn cho rằng ngày 30/5/2019 vợ chồng ông M và bà P có nhờ ông Nguyễn Văn C chở lên Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB chi nhánh tại Đắk Lắk vay số tiền là 1.300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng, vợ chồng ông M và bà P cùng nhau lên xe của ông C để ông C chở về nhà. Bà P là người trực tiếp cầm tiền.

Khi xe về đến trường Đại học Tây Nguyên (Đắk Lắk), bà P có kiểm đếm tiền và để trong giỏ xách. Sau đó, đến địa phận Km 312, thuộc xã Đắk R'l, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông, ông M xuống mua xoài, bà P cũng xuống đi vệ sinh. Khi bà P xuống xe, ông C ngồi trên xe nên bảo bà P để tiền lại trên xe. Do tin tưởng ông C nên bà P đồng ý. Lúc này, trên xe chỉ còn một mình ông C. Việc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P cho rằng ông Nguyễn Văn C là người đã lấy số tiền trên tại thời điểm dừng chân nghỉ tại địa phận Km 312 thuộc xã Đắk R'l, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông. Sự việc này bị đơn đã tố cáo ông C đến cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đến Tòa án làm việc. Để làm rõ mâu thuẫn về việc trả tiền, nghĩa vụ trả nợ Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên đối chất. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tiếp cận, công khai, đánh giá chứng cứ và Hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác, đã bỏ đi khỏi địa phương không khai báo, cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ lời khai của các đương sự, người làm chứng và chứng cứ, tài liệu thu thập được thể hiện ngày 27/5/2019 thì ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P vay số tiền là 1.200.000.000 đồng; thời hạn trả là ngày 30/5/2019 là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ, tài liệu tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông để làm rõ nội dung vụ án. Tại Quyết định số 21/QĐ-CSHS ngày 23 tháng 6 năm 2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã quyết định không khởi tố vụ án. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã lấy tiền của bị đơn, không đưa ra chứng cứ, chứng minh cho việc trình bày của mình là có cơ sở, tại khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Từ những nhận định nêu trên thấy rằng, ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P đã không trả nợ cho ông Nguyễn Văn C theo như thỏa thuận. Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Bà Mai Thị T là vợ của ông Nguyễn Văn C cho rằng khoản tiền ông C cho bị đơn vay là khoản tiền riêng của ông C, bà T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mới đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự.

[2.2]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Theo giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019, không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận bằng miệng với bị đơn lãi suất là 1,5%/ tháng. Bị đơn trình bày không nhớ rõ lãi suất bao nhiêu. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

dân sự để tính lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ cần chấp nhận buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 27/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2021 là 0,83%/tháng x 1.200.000.000 đồng x 27 tháng 27 ngày = 277.884.000 đồng.

[2.3]. Tại 02 giấy vay tiền lập ngày 27/5/2019 có thể hiện nội dung bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng và bị đơn thế chấp cho nguyên đơn tài sản là quyền sử dụng đất số CD 319597 theo thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 55, diện tích là 9640 m² do UBND tỉnh Đắk Nông cấp ngày 03/8/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 230735 theo thửa đất số 42 tờ bản đồ số 31, diện tích là 24.777 m² do UBND huyện cấp ngày 17/8/2016. Nguyên đơn cho rằng thực chất bị đơn chỉ vay của nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng như trình bày ở trên và nguyên đơn chỉ khởi kiện đối với số tiền này. Do tờ giấy không đủ chỗ để ghi nội dung thế chấp 02 thửa đất trên, nên đương sự ghi thành 02 tờ giấy vay tiền. Việc ghi tài sản thế chấp vào 02 giấy vay tiền là để làm tin, chứ thực tế các đương sự không có thể chấp tài sản cho nhau, vì vào thời điểm đó các tài sản này đang thế chấp tại Ngân hàng. Các đương sự không yêu cầu xem xét vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/5/2021 ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị Tòa án phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất số 165a, tờ bản đồ 55 và thửa đất số 42, tờ bản đồ 31, đều tọa lạc tại thôn 10, xã Nam B, huyện Đắk S. Tòa án đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 10/5/2021 về việc “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” bằng hình thức không được chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê, thuê lại, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 11 Điều 114; Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với thửa đất số 165a, tờ bản đồ 55 và thửa đất số 42, tờ bản đồ 31, đều tọa lạc tại thôn 10, xã Nam B, huyện Đắk S. Xét thấy không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trên nên Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị vượt quá 800.000.000 đồng = 56.336.500 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 213; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

1. Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 1.477.884.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và nợ lãi 277.884.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015).

“Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Phạm Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 56.336.500 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 30.210.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005305 ngày 13/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm